

Bản án số: 73/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 01 -6-2018

V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Định
2. Ông Nguyễn Văn Sum

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Vắng mặt.

Ngày 01 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2018/QĐXX-ST ngày 11 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cao Thị V (Cao Thị H), sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp TD, xã AX, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Trang Minh Q, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 15/01/2018 cũng như tại phiên tòa, chị Cao Thị V trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Cao Thị V và anh Trang Minh Q tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 12 tháng 5 năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã An Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Thời gian chung sống do không hợp nhau, vợ chồng thường hay cự cãi, mâu thuẫn kéo dài nên chị và anh Q đã ly thân từ ngày 26/3/2003 đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị V yêu cầu ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị V và anh Q có 02 người con chung là Trang Thị Thúy H, sinh ngày 16/5/2001 và Trang Tuấn K (Trang Minh C), sinh ngày 06/7/2004. Hiện nay, cháu H do anh Q nuôi dạy, cháu K do chị V nuôi dạy. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi dạy cháu K, cháu H chị V tự nguyện giao anh Q tiếp tục nuôi dạy. Chị V không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

**Tại biên bản ghi lời trình bày cũng như tại phiên tòa anh Trang Minh Q trình bày:*

Anh Q thống nhất với phần trình bày của chị V về các mối quan hệ như hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh Q thống nhất ly hôn theo yêu cầu chị V.

Về con chung: Anh yêu cầu nuôi dạy cháu H, cháu K anh Q giao chị V tiếp tục nuôi dạy. Anh Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn là chị Cao Thị V khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Trang Minh Q. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Anh Q có địa chỉ tại ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1

Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên được Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình phân công có nhiệm vụ tham gia phiên tòa nhưng do điều kiện khách quan nên Kiểm sát viên vắng mặt. Căn cứ theo khoản 1 Điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án:

[2] Về hôn nhân: Chị V và anh Q tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AX, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào ngày 12/5/2000. Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa chị V cho rằng thời gian chung sống giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh Q. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống do bất đồng quan điểm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và anh chị đã ly thân từ ngày 26/3/2003 nên chị V yêu cầu ly hôn với anh Q. Xét thấy, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để chị V và anh Q có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh Q vắng mặt tại các lần hòa giải không có lý do. Tại phiên tòa anh Q thừa nhận thời gian chung sống vợ chồng có bất đồng quan điểm, phát sinh nhiều mâu thuẫn nên anh Q thống nhất ly hôn theo yêu cầu chị V. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Cao Thị V và anh Trang Minh Q được ly hôn là phù hợp.

[3] Về con chung: Cháu tên Trang Thị Thúy H, sinh ngày 16/5/2001 và Trang Tuấn K (Trang Minh C), sinh ngày 06/7/2004. Xét thấy, cháu H hiện do anh Q nuôi dạy, cháu K do chị V nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ ảnh hưởng đến tình cảm của các cháu. Hơn nữa, tại bản tự khai ngày 15/01/2018 cháu cháu K có yêu cầu và nguyện vọng được sống cùng chị V, tại biên bản ghi lời trình bày của cháu H, cháu H có nguyện vọng sống cùng anh Q, sự tự nguyện và yêu cầu của cháu K và cháu H cũng phù hợp theo yêu cầu của chị V và anh Q. Vì vậy, cần tiếp tục giao cháu K cho chị V tiếp tục nuôi dạy, giao cháu H cho anh Q tiếp tục nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình.

Tại đơn khởi kiện ngày 15/01/2018 cũng như tại phiên tòa, chị V và anh Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị V và anh Q xác định thời gian chung sống vợ chồng chị không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị V và anh Q xác định không có nợ chung, vợ chồng không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không nợ vợ chồng; Tại đơn xác nhận ngày 15/01/2018 của Ủy ban nhân dân xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xác nhận hiện tại vợ chồng chị V, anh Q không có bị ai thừa kiện về nợ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Cao Thị V phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Cao Thị V (Cao Thị H) và anh Trang Minh Q được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Trang Thị Thúy H, sinh ngày 16/5/2001 (giới tính nữ) cho anh Q tiếp tục nuôi dạy, giao cháu Trang Tuấn K (Trang Minh C), sinh ngày 06/7/2004 cho chị V tiếp tục nuôi dạy. Anh Q và chị V không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Q không trực tiếp nuôi dạy cháu K, chị V không trực tiếp nuôi dạy cháu H nhưng anh chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Cao Thị V phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 15 tháng 01 năm 2018 chị V có dự nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0018980 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

- VKSND huyện Thới Bình;

- THADS huyện Thới Bình;

- UBND xã AX

- TAND tỉnh Cà Mau;

- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Khoa